

Hòa thượng Thích Thiện Siêu

---o0o---

Khi đức Phật nhập diệt rồi, cuộc kiết tập mới bắt đầu. Cuộc kiết tập đầu tiên là Kinh tạng và Luật tạng. Trong Luật tạng, bộ Luật đầu tiên theo trong số này chính là bộ Bát thập tụng luật do Tôn giả Ưu-ba-li tám mươi lăm người tụng thì mới xong bộ Luật của Phật dạy.

Nội dung của Kiết tập có nghĩa như thế nào?

Kiết tập: Phạn ngữ là Samgati, Tàu dịch là "Chúng tụng tụng", nghĩa là cùng nhau tụng tụng lại đức Phật dạy. Tụng tụng bằng cách nào? Tôn giả Ưu-ba-li hay Tôn giả A-nan-đà người giữ gìn chúng đức rõ tụng tụng câu như: ngày hôm đó, tại chỗ đó, tôi có nghe đức Phật dạy như thế này thế này... nếu đức chúng có việc nào nghe Ngài dạy khác xin phát biểu, nếu không ai phát biểu mà im lặng thì cho qua. Tập tụng tụng tụng khác cũng y như trên cho đến hết, nên gọi là chúng tụng tụng. Cuộc kiết tập đầu tiên chính là có văn tự ghi hết. Kiết tập bằng miệng đức lên rồi ai nhớ dạy ghi như trong ký ức mà thôi. Ký ức của các vị toàn là các bậc A-la-hán thì ghê gớm lắm. Như vậy việc kết tập mà tu tập chính không có mục đích gì khác.

Tôn giả Ưu-ba-li tụng tụng Luật

Như vậy, bộ Luật đầu tiên là Bát thập tụng do Tôn giả Ưu-ba-li tụng, rồi sau đó nó bị bỏ ra năm bộ nữa:

Đàm-vô-đức bộ (Pháp tụng bộ) tụng tụng luật Tập pháp, gồm 60 cuốn.

Tát-bà-đa-bộ (Hộ bộ) tụng tụng luật Tập pháp, có 60 cuốn.

Di-sa-t c b truy n lu t Ngũ ph n, có 30 cu n, thu c Hóa đ a b .

Ca-di p-di b truy n Gi i thoát gi i, g m 50 cu n, thu c Căn b n nh t thi t h u b .

Ma-ha Tăng-k b truy n lu t Tăng k , có 40 cu n, thu c Đ i chúng b và Đ c t b .

Trong th i Ph t, Ngài không phân ra năm b lu t nh trên, nh ng trong quá trình hành hóa, tùy ch ph m i mà ch ra gi i đ cho hàng đ t bi t và l n sau đ ng có ph m n a. Đó là kh i nguyên c a Lu t. Sau khi đ c Ph t di t đ , cu c ki t t p l n th nh t ch t ng thu n nh t là tám m i l n ng i t ng mà thôi. T đó v sau, qua s truy n trì c a Tôn gi Đ i Ca-di p, A-nan, M t-đi n-đ a, Th ng-na-hòa-tu, u-ba-cúc-đa (Maha Kàsyapa, Ananda, Madhyàntika, Sàna Vasa, Upagupta) đ u thu n nh t v , ch a phân đ ki n v gi i lu t. Đ n Tôn gi u-ba-cúc-đa là v th năm, nh m kho ng th i gian sau Ph t di t đ 110 năm, lúc đó A-d c v ng ra đ i. A-d c v ng là v vua lúc đ u cai tr r t tàn ác nên dân chúng gán cho cái tên là H c A-d c v ng (A-d c v ng đ i ác). Nh ng v sau c i ác từng thi n, qui y Tam B o và tr thành m t Ph t t thu n thành, h trì Ph t pháp m t cách đ c l c nh t, g i là Pháp A-d c v ng.

Nguyên nhân phân hóa Lu t

Giáo pháp đ c Ph t do v y cũng b điều linh, các v t kheo m i đoàn du hóa m t ph ng, không k t v i nhau đ c, do đó mà t n i m t b Bát th p t ng lu t l i chia ra năm n i, năm nhóm. Năm nhóm này ghi nh và đ c t ng theo năm cách riêng và vi c hành trì cũng khác, nên t o ra năm b lu t khác nhau. Năm b lu t đó là do năm đ t c a Tôn gi u-ba-cúc-đa n m gi và truy n t ng. Năm b lu t đó là:

Đàm-vô-đ c b truy n trì lu t T Ph n.

Tát-bà-đa b truy n trì lu t Th p T ng.

Di-sa-t c b truy n trì lu t Ngũ Ph n.

Ca-di p-di b truy n trì lu t Gi i Thoát.

Bà-ta-phú-la b truy n trì lu t Ma-ha Tăng K .

Năm nhóm trên đ u truy n trì Lu t t ng riêng mà phát sinh thành ra năm b nh trên.

Năm b lu t v a nêu v ph n chính thì gi ng nhau, ch có sai khác v Ba-d t-đ và Chúng h c pháp.

Năm b lu n gi i thích Lu t

Ngoài nh ng b lu t chính trên, sau này có nh ng b g i là lu n v lu t. Năm b lu n đó là gì?

T -ni-m u lu n, 8 quy n (th t truy n).

Ma-đ c-l c-già lu n, g i đ là Tát-bà-đa-b T -ni Ma-đ c-l c-già, 10 quy n do L u t ng Tăng-già-b t-ma đ ch.

Hai b lu n trên đ a vào Tát-bà-đa b t c Căn b n nh t thi t h u b mà gi i thích nh ng đ u trong b lu t đó mà t o ra lu n này.

Thiền kinh luận, hay còn là Thiền kinh luận Tỳ-bà-sa, 18 quyển do Tiêu-tử Tăng-già-bạt-ma dịch. Các giới thích Tỳ-pho luận.

Tát-bà-đa luận hay gọi là Tát-bà-đa Tỳ-ni-tử-bà-sa, chín quyển, một tên người dịch, các giới thích luận Thập tụng.

Minh liễu luận, hay còn gọi là Luật nhập thập nhập minh liễu luận, một quyển do Trần-chân-đoàn dịch, các giới thích giới luật thuộc Chính pháp tạng.

Hai bộ này đều thuộc Chính pháp tạng, tức một trong hai bộ phận tiêu thụ của Phật giáo.

Nội dung của Luật tụng

Khi nói Luật tụng là nói chung cả năm bộ luật và năm bộ luận đó gọi là luật tụng.

Sơ hành trì về Luật tạng của Địch cũng có sai khác chút ít. Khi thì các Tỳ dùng bộ này, khi thì dùng bộ khác, nên đôi lúc tụng tụng tụng trong nội dung của nó có sai khác. Nhưng tùy theo địa phương và hoàn cảnh, các Tỳ có thể du di phần nào pháp, vì vậy, khi truyền qua Trung Hoa, Tỳ Địch tuyên bố lý thuyết làm căn bản cho việc truyền Luật, nên Tỳ đã dùng bộ Tỳ pho luận, phát triển thành Luật tông mà Tỳ là vị khai sáng. Tỳ đó Tỳ pho luận được đi đến giới, giới thích và truyền bá rất mạnh.

Viết Nam chúng ta từ trước tới nay cũng áp dụng Tỳ pho luận để hành trì.

Nội dung Tỳ pho luận

Tỳ pho luận, 60 cuốn do Điều Tỳn Phật-đà-da-xá và Trúc-pho-t-ni-m cùng dịch, chia bốn phần.

Phần một, gồm hai mẩu chuyện: nội dung chuyên nói 250 giới của Tỳ-kheo.

Phần hai, gồm mẩu chuyện sáu chuyện: chín chuyện đời nói 348 giới đời của Tỳ-kheo-ni. Bảy chuyện sau quy định về các thọ giới, thuyết giới, an cư, tứ nhiếp...

Phần ba, có mẩu chuyện hai chuyện: gồm các chương quy định về các Tỳ-kheo tứ nhiếp theo, Bì-cách, y, Đồ c, Casina y, việc xướng ra Câu-diêm-di, Chiêm-ba, Kì-t-ma-ha-trách, việc tụng kinh, việc tụng phú tạng, giá, phá tăng, đi tránh, việc pháp Tỳ-ni và việc Pháp.

Phần bốn, gồm mẩu chuyện một chuyện: là các chương nói về phòng xá, tỳp, ngũ bách kì tỳp, thuyết bách kì tỳp, đời của Tỳ-ni, Tỳ-ni tăng như thế.

Tóm lại, Tập pháp luật gồm có hai phần chính:

(a) Phần thọ nhận nói về giới của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

Giới của Tỳ-kheo có 250 giới, Tỳ-kheo-ni có 348 giới. Theo Nam truyền Luật tạng Tỳ-kheo có 227 đời, Tỳ-kheo-ni có 311 đời. Các giới đời tuy có khác, nhưng chung khác phần chi tiết, còn phần nội dung chính vẫn giống nhau.

(b) Phần thọ hai nói về hai mẩu chuyện đời (hai mẩu chuyện chương).

Chương Thọ giới: Thuyết minh về việc thọ giới.

Chương Thọ giới: Thuyết minh về nghi thức thuyết giới.

Chng An c: Thuyt minh v ý nghĩa và s vi c an c.

Chng T t: Nói v ý nghĩa tác pháp t t.

Chng Bì-cách: Khai cho các T-kheo g p hoàn c nh đ c bi t đ c dùng các lo i da thu c.

Chng nói v Y: Thuyt minh cách may y và s đng nó.

Chng nói v đ c li u: Thuyt minh v cách dùng thu c đ ch a b nh.

Chng nói v Y Casina (Kathina): Nói v cách th y và x y Casina (công đ c y).

Chng nói v vi c x y ra Câu-di m-di (Kosambi): Nói v vi c các T-kheo tranh cãi nhau, và ba lo i c t i: (1) B t ki n c là c cái t i có l i mà nói không th y, không nh n t i. (2) B t sám c là c cái t i đã nh n t i mà không ch u sám h i. (3) Ác ki n b t x c là c cái t i có ác ki n mà không ch u b .

Chng nói v vi c x y ra Chiêm-ba, nói v các lo i Ki t-ma nh pháp và phi pháp.

Chng nói v Ha-trách: Nói v ch đ nh b y th Ha-trách, t c 35 vi c mà m t T-kheo đã ph m t i thì không đ c làm.

Chng nói v Ng i: Thuyt minh ph m t i Tăng tàn, l c đ bi t trú phép b n nh t tr và cách sám tr nghi p qu , sám di t phi pháp.

Chức năng Phú tàng: Nói các thuật ngữ của đạo phú tàng và cách diễn đạt từ.

Chức năng nói về Giá: Nói về cách ngăn ngừa và các từ ngữ khác, khi cần phải đặt năm pháp là: Tri thức, chân thật, lợi ích, nhu cầu, từ tâm.

Chức năng phá Tăng: Nói về các từ phá Tăng.

Chức năng diễn đạt tránh: Nói về Thuật diễn đạt tránh (bằng phép diễn đạt sự tranh cãi).

Chức năng nói về Ni: Nói về các Ni chứng thuật ngữ, thuyết thuật ngữ.

Chức năng nói về Pháp: Nói các oai nghi, pháp thức đi lại... của Tỳ-kheo.

Chức năng nói về Phòng: Nói về các sự sang tu ở phòng xá.

Chức năng tập: Thuyết minh xen lẫn hết thảy các chức năng, và cách trì giữ.

Đạo Tuyên Luật sư trong "San bản tùy cơ y bát-ma" tóm tắt hai mươi hai chức năng trình bày điều.

Chức năng tập pháp: Nói thuật ngữ quát về sự duyên thành không thành của các pháp Kiết-ma.

Chức năng kết và giữ giữ

Chức năng nói pháp thuật các giữ.

Ch ng nói áo, thu c, th trì, thuy t t nh.

Ch ng nói các pháp thuy t gi i.

Ch ng nói v chúng an c .

Ch ng nói pháp t t .

Ch ng nói v chia áo (c a Tăng đã ch t)

Ch ng nói sám h i các t i.

Ch ng nói vi c c t y u c a v trú trì Ph t pháp.

Ch trì, Tác trì

Gi i lu t thì nhi u, nh ng không ngoài hai môn: Ch trì và Tác trì.

Ch trì là đình ch , đình ch không làm các đi u ác. T c qui đ nh v đi u gi i, đó là gi i, thu c ch trì.

Tác trì là tu thi n, t c làm các đi u thi n. T c qui đ nh v các pháp Ki t-ma, đó là lu t, thu c Tác trì.

Ví dụ thực hành giáo dục là Chết, giữ gìn hai mặt của kiến thức là Tác phẩm.

Phân tích Giáo dục

Vì sao giáo dục là Giáo dục? Đây là những giáo dục, chính yếu của Luật pháp. Giáo dục của Tăng có 250, của Ni có 350 giáo dục. Ngoài giáo dục chính còn có phần Kiến thức để âm thanh Khandha, có nghĩa là nhóm, thiên, chủng.

Phân tích giáo dục gồm có tám mặt, 250 giáo dục, chia năm thiên và bảy phần.

Năm thiên:

Ba-la-di có 4 giáo dục.

Tăng tàn có 13 giáo dục.

Ba-dhātū gồm 30 xấp xỉ, 90 đấng đấng.

Đạo-xá-ni có 4 giáo dục.

Đạo-t-khā-t-la gồm 100 chúng hắc, 7 đấng tránh.

Bảy phần:

Ba-la-di.

Tăng-tàn.

Thâu-lan-giá.

Ba-d t-đ .

Đ -xá-ni.

Ác-tác.

Ác-thuy t.

(6. và 7. h p chung gi i là "Đ t-ki t-la")

Năm thiên là n ng ch t i n ng nh c a t i qu . B y t là nh ng lo i t căn c t i tính và nguyên nhân c a nó. Thâu-lan-giá là ph ng ti n t i (t c nh n t i) c a Ba-la-di và Tăng-tàn. Ác-tác là t i nh thu c v thân. Ác-thuy t là t i nh thu c v kh u.

Gi i thích b n Ba-la-di

B n Ba-la-di: Ba-la-di, Ph n t là Pàràjka, Tàu d ch là Khí - b v t ra ngoài Tăng chúng. T i Ba-la-di có b n, là b n t i ph m vào thì b b đi, v t đi. M c b n t i này coi nh b ra ngoài

Tăng chúng, vì vậy gọi là Khí (vật thể). Phạm tử này gọi là bất công trạng, tức không được phép tham dục thì công việc của Tăng. Luân Du-dà-s-đưa cho rằng khi phạm bốn tội này gọi là Tha thọ ng - tức khi phạm tội này thì bị Ma thọ ng. Vì sao? vì ngũ giới tu sĩ ví như mặt chiếu nĩa chiếu đến đâu vậy bốn thọ ma: Ma phiến não, ma ngũ m, tức ma, thiên ma. Họ đánh bóng khí giới gì? Họ chiếu đến bóng cách hành trì giới luật. Khi ngũ giới tu sĩ không trì giới, không giữ giới thì thua bốn thọ ma đó, như vậy là Ma thọ ng. Do đó phạm bốn Ba-la-di cũng gọi là phạm Tha thọ ng. Tha là khác, thọ ng là hưởng. Phạm tử để khác hưởng gọi là Tha thọ ng. Nếu phạm tội này thì Ma hưởng. Còn phạm tử để tội này thì còn đức n co, chưa phạm thọ ng bởi.

Giới thích mười ba Tăng tàn

Mười ba Tăng tàn: Phạm tử là Samgha-vasena. Phiên âm là Tăng-già-bà-thi-sa. Tà u dịch là "Tăng tàn". Tăng tàn có hai nghĩa:

Nghĩa thứ nhất: Giới luật là tính mạng của Tăng. Khi phạm Ba-la-di coi như chết hẳn. Còn nếu phạm Tăng tàn thì như mặt trăng bị chết mà chưa chết hẳn, mặt tiếp hưởng thôi, nếu tiếp xúc tiếp tục thì có thể cứu được.

Nghĩa thứ hai: Phạm tử này nếu để hai mươi T-kheo tiếp tục Ki-ti-ma đúng pháp, cho họ sám hối thì có thể tiêu diệt được tội này, nên gọi là Tăng tàn. Trong Căn bản như thế u bởi gọi là Chúng giáo. Chúng là chúng Tăng, giáo là giáo dục. Chúng giáo có nghĩa phải có hai mươi và Tăng giáo dục cho, cho sám hối thì mới hết tội.

Giới thích hai Bất đảnh

Hai bất đảnh: Vì sao gọi là Bất đảnh? Vì không dứt khoát tội đó là Ba-la-di hay Tăng tàn hay Ba-d-t-đ. Nó có thể thành tội Ba-la-di hay tội Tăng tàn hoặc Ba-d-t-đ theo luật trú tín u-bà-di, là vậy nên có lòng tin thanh tịnh kiên cố, không như thế nên gọi là Bất đảnh. Hai tội này chỉ liên hệ giới bất dâm, chứ không liên hệ các giới khác.

Giới thích ba mười X đưa

các oai nghi như như t.... Pháp này chủ yếu là tự trách lấy mình. Đây là tội như như t, tội khó gì như ng hốt sặc đờ phờ m. Khi bị t phờ m thì tự trách lấy mình đỡ ăn năn, tội hờ a lờn sau không tái phờ m là đờ.

Giới thích bảy Diệt tránh

Bảy Diệt tránh pháp, tiếng Phạn là Adhika-ramásama-thaàdharmàh. Tàu dịch là "Diệt tránh pháp". Túc bảy phụng pháp trừ tội hay bảy cách thức để chớ m dốt sỡ tranh cãi gì a chúng Tăng. Phờ m 100 hờ c pháp và 7 Diệt tránh kết vào tội Đột-khiết-la, chủ tâm niệm sám hối, hờ c tởp, là đờ.

Riêng với Tỳ-kheo-ni, Phờ t u đãi hờn:

Ba-la-di không phờ i bờn mà là tám.

Tăng tàn không phờ i mớ i ba mà là mớ i bảy.

Xử đờ a bờng nhau.

Đờn đờ a không phờ i chín mớ i mà là 178.

Hờ i quá không phờ i bờn mà là tám.

Mớ t trăm hờ c pháp gì ng nhau.

Cờng tở t cờ là 348 giới. Chờ a hờ t, Ngài còn trao thờ mớ ng Phờ t pháp cho Ni nờ a. Đờ c bị t là Ni

có Tám k nh pháp, nh ng Tăng thì có nh b t đ nh, còn Ni thì không. Nh v y Ni h n tám, Tăng h n hai. Ni thì có ngũ thiên l c t .

(Trích "C ng Y u Gi i Lu t", Sài Gòn, 1996)

Ngu n: QuangDuc.com

BTV